

Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ30,400
Tiềm năng tăng/giảm: 14.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/1/2026)	26,550
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	15,500-28,450
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,383
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	213,861
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,205
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,055
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,933
Slg CP NN được mua (tr.đv)	217
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	21.3%
Tỷ lệ freefloat	51.3%
Cổ đông lớn	Viettel (19.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	1,129	1,433	1,890
Dư nợ cho vay (ntđ)	778	1,021	1,327
Tổng thu nhập HD (ntđ)	55.4	65.3	78.7
Lợi nhuận thuần (ntđ)	22.6	25.2	30.2
BVPS (đồng)	13,923	16,644	19,813
EPS (đồng)	2,834	3,126	3,749
DPS (đồng)	331	227	300
T.trưởng cho vay KH (%)	26.9	31.2	30.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	17.1	17.9	20.5
Tăng trưởng EPS (%)	8.50	10.3	20.0
Tăng trưởng DPS (%)	15.6	(31.4)	32.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.7	7.27	8.00
ROAE (%)	22.1	20.5	20.6
ROAA (%)	2.18	1.97	1.82
Tỷ lệ NIM (%)	4.07	4.05	3.86
Tỷ lệ CIR (%)	30.7	29.8	29.5
Hệ số CAR (%)	11.8	11.2	10.0
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.62	1.65	1.63
LLR/nợ xấu (%)	92.9	85.6	80.3
Hệ số LDR (%)	109	119	115
P/B (lần)	1.91	1.60	1.34
P/E (lần)	9.37	8.49	7.08
Lợi suất cổ tức (%)	1.25	0.86	1.13

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q4 tăng 37,5%, vượt đáng kể dự báo

- MBB đã công bố KQKD Q4 mạnh mẽ với LNTT tăng 37,5% nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng mạnh mẽ và chi phí dự phòng thu hẹp. LNTT cả năm 2025 tăng trưởng 18,9% và vượt 6,3% dự báo của chúng tôi.
- Tăng trưởng tín dụng tăng tốc mạnh 36,8%, vượt đáng kể dự báo của chúng tôi, trong khi tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước trong bối cảnh chi phí huy động gia tăng. Lãi thuần HD dịch vụ tăng mạnh 78% trong Q4/2025 và tăng trưởng 51% trong cả năm.
- Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống dưới 1,3%, vượt dự báo của chúng tôi.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 28/1/2026

MBB đã công bố KQKD Q4/2025 khả quan với LNTT tăng 37,5% so với cùng kỳ, nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng mạnh mẽ và chi phí dự phòng thu hẹp. LNTT cả năm 2025 đạt 34,3 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 18,9% và vượt 6,3% dự báo của chúng tôi. KQKD Q4/2025 vượt dự báo của chúng tôi ở nhiều chỉ tiêu quan trọng, bao gồm tăng trưởng tín dụng, thu nhập phí, thu nhập từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn và chất lượng tài sản.

LNTT Q4 tăng 37,5% với thu nhập hoạt động mạnh mẽ và chi phí dự phòng thu hẹp

LNTT Q4/2025 tăng lên 11,1 nghìn tỷ đồng, tăng 37,5% so với cùng kỳ và tăng 53,5% so với quý trước, nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng 17,9% so với cùng kỳ và chi phí dự phòng giảm mạnh 32,7% so với cùng kỳ. Mặc dù chi phí dự phòng nhìn chung sát với dự báo, tổng thu nhập hoạt động đã vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng tín dụng, thu nhập phí & thu nhập từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn cao hơn so với dự báo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, MBB

LNTT Q4/2025 tăng 37,5% nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng mạnh và chi phí dự phòng giảm

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	11,142	14,555	30.6%	41,152	51,610	25.4%	101.8%
Thu nhập ngoài lãi	5,421	4,973	-8.3%	14,261	16,083	12.8%	109.9%
Lãi thuần HD dịch vụ	1,181	2,101	77.9%	4,369	6,579	50.6%	112.5%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	485	260	-46.3%	2,000	1,757	-12.2%	81.7%
Lãi tự doanh	2,531	903	-64.3%	4,559	2,259	-50.4%	166.5%
Thu nhập khác	1,203	1,574	30.8%	3,281	5,314	62.0%	101.9%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	22	135	512.1%	52	174	233.3%	281.1%
Tổng thu nhập HD	16,564	19,528	17.9%	55,413	67,693	22.2%	103.6%
Chi phí HD	-5,247	-6,229	18.7%	-17,007	-19,681	15.7%	101.0%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	11,317	13,298	17.5%	38,406	48,012	25.0%	104.7%
Chi phí dự phòng	-3,224	-2,169	-32.7%	-9,577	-13,744	43.5%	100.9%
LNTT	8,093	11,129	37.5%	28,829	34,268	18.9%	106.3%
Lợi nhuận thuần	6,284	8,763	39.4%	22,633	26,779	18.3%	106.4%

Nguồn: MBB, HSC

Tín dụng tăng trưởng 36,8% so với cùng kỳ, huy động tăng 31,5%

Tổng dư nợ tín dụng tăng mạnh 36,8% so với cùng kỳ và tăng 15,3% so với quý trước tính đến cuối Q4/2025, cao hơn đáng kể so với dự báo cả năm của chúng tôi là 30%. Động lực tăng trưởng chính đến từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp (tăng 45,4% so với cùng kỳ), trong khi phân khúc khách hàng cá nhân cũng tăng trưởng mạnh mẽ 26,4% so với cùng kỳ. Cơ cấu theo ngành, ngành BDS dẫn đầu tăng trưởng tín dụng (tăng gần 90% so với cùng kỳ), tiếp theo là ngành sản xuất (tăng 44% so với cùng kỳ) và bán buôn & bán lẻ (tăng 33% so với cùng kỳ).

Nguồn vốn sơ cấp tăng trưởng chậm hơn, ở mức 31,5% so với cùng kỳ, trong đó tiền gửi khách hàng tăng 29% so với cùng kỳ và giấy tờ có giá tăng 45,2% so với cùng kỳ. Từ đó, hệ số LDR điều chỉnh (tổng tín dụng/nguồn vốn sơ cấp) tăng lên 100,1% từ khoảng 96% tại thời điểm đầu năm, cho thấy sức ép huy động gia tăng.

Tín dụng tăng trưởng nhanh chóng cũng gây áp lực lên hệ số an toàn vốn, hệ số CAR và tỷ lệ vốn cấp 1 ước tính giảm xuống lần lượt 10,2% và 8,6%. Chúng tôi tin rằng MBB có thể cân tăng vốn cấp 1 và/hoặc tỷ lệ vốn cấp 2 để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng tín dụng đầy tham vọng trong năm 2026.

Tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước, sát với dự báo

Tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước trong Q4/2025 ở mức 4,06%, nhưng giảm 17 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Lợi suất cho vay tăng 27 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 24 điểm cơ bản so với cùng kỳ nhưng bị bù trừ hoàn toàn do chi phí huy động vốn tăng 33 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 45 điểm cơ bản so với cùng kỳ, chủ yếu do lãi suất tiền gửi tăng 35 điểm cơ bản so với quý trước. Xu hướng này nhìn chung sát với giả định của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi giảm 8,3% so với cùng kỳ trong Q4 nhưng tăng trưởng 12,8% trong cả năm

Thu nhập ngoài lãi Q4/2025 giảm 8,3% so với cùng kỳ, chủ yếu do thu nhập từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn giảm mạnh 64,3% so với cùng kỳ và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 46,3% so với cùng kỳ nhưng được bù đắp một phần nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng trưởng mạnh mẽ 77,9% so với cùng kỳ. Trong cả năm 2025, thu nhập ngoài lãi tăng trưởng 12,8% chủ yếu nhờ thu nhập phí tăng trưởng mạnh mẽ.

Thu nhập ngoài lãi vượt dự báo của chúng tôi chủ yếu do thu nhập phí tốt hơn kỳ vọng. Phí thanh toán & các loại phí khác (chúng tôi tin rằng chủ yếu là phí tư vấn liên quan đến hoạt động cấp tín dụng) tăng mạnh trong Q4/2025, lần lượt 70% và 66%, trong khi hoa hồng bancassurance tăng 12% so với cùng kỳ. Lãi mua bán trái phiếu cũng gây bất ngờ tích cực đạt gần 1 nghìn tỷ đồng bất chấp môi trường lãi suất gia tăng.

Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống dưới 1,3%

Chất lượng tài sản đã cải thiện đáng kể trong Q4/2025. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,29% từ 1,87% trong Q3/2025 và 1,62% tại thời điểm cuối năm 2024, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 0,94%, đều tốt hơn kỳ vọng. Điều này là nhờ nợ xấu mới hình thành âm trong quý, đặc biệt là ở cấp độ Ngân hàng mẹ, phản ánh điều kiện tài chính của khách hàng vay cải thiện cùng các nỗ lực tái cấu trúc đang diễn ra. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 93,9%, nhìn chung ổn định so với cùng kỳ nhưng đã cải thiện so với mức khoảng 80% trong Q3/2025.

Chi phí hoạt động và hiệu quả

Chi phí hoạt động tăng 18,7% so với cùng kỳ trong Q4/2025, nhìn chung phù hợp với tăng trưởng doanh thu. Hệ số CIR tăng nhẹ lên 31,9% trong quý từ dưới 30% trong 3 quý trước đó. Hệ số CIR trượt 12 tháng giảm xuống 29,1% từ 30,7% trong năm 2024, cho thấy hiệu quả tổng thể cải thiện trong cả năm.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị

Sau khi giá cổ phiếu tăng 11% trong 3 tháng qua và vượt trội so với chỉ số VNIndex, MBB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,32 lần, cao hơn 1,1 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 1,04 lần nhưng tương đương so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, mặc dù có hệ số ROE dự phóng năm 2026 cao hơn là 19% (sau khi trừ tiền thưởng & phúc lợi) và 17,4% (dựa theo dự báo hiện tại của chúng tôi). HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	69.1	69.1	87.3	114	149
Chi phí lãi	(30.5)	(27.9)	(36.5)	(51.1)	(69.8)
Thu nhập lãi thuần	38.7	41.2	50.7	62.8	79.3
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.09	4.37	5.85	6.66	7.97
Lãi thuần HĐ KDNH	1.21	2.00	2.15	2.67	3.59
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.84	4.56	1.36	0.66	2.04
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.06	0.05	0.06	0.06	0.06
Thu nhập khác	2.43	3.28	5.21	5.88	6.62
Tổng thu nhập HĐ	47.3	55.4	65.3	78.7	99.5
Chi phí HĐ	(14.9)	(17.0)	(19.5)	(23.2)	(28.7)
LN trước dự phòng	32.4	38.4	45.8	55.5	70.9
Chi phí dự phòng	(6.09)	(9.58)	(13.6)	(17.0)	(21.2)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	26.3	28.8	32.2	38.5	49.6
Chi phí thuế TNDN	(5.25)	(5.88)	(6.48)	(7.71)	(9.93)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.38)	(0.32)	(0.57)	(0.63)	(0.69)
Lợi nhuận thuần	20.7	22.6	25.2	30.2	39.0
EPS (đồng)	2,612	2,834	3,126	3,749	4,844
DPS (đồng)	286	331	227	300	351
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,915	7,985	8,055	8,055	8,055
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,915	8,055	8,055	8,055	8,055
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,915	8,055	8,055	8,055	8,055

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.68	3.35	5.25	7.06	9.79
Tiền gửi tại NHNN	66.3	29.8	21.0	28.2	39.2
Tiền gửi tại các TCTD khác	46.3	76.8	100	142	146
Chứng khoán kinh doanh	44.3	7.93	2.60	3.54	5.19
Các công cụ tài chính phái sinh	0.14	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	601	766	1,006	1,309	1,712
Tổng dư nợ cho vay	613	778	1,021	1,327	1,733
Dự phòng rủi ro	(11.5)	(11.7)	(14.4)	(17.4)	(21.3)
Chứng khoán đầu tư	148	210	257	350	513
CK đầu tư sẵn sàng để bán	143	206	255	347	508
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.39	4.61	2.60	3.54	5.19
Dự phòng rủi ro	(0.48)	(0.48)	(0.45)	(0.54)	(0.69)
Đầu tư dài hạn	0.62	0.61	1.11	1.11	1.11
Tài sản cố định	5.09	5.66	5.44	5.84	6.34
Tài sản khác	29.2	29.0	33.8	43.6	55.7
Tổng tài sản	945	1,129	1,433	1,890	2,488
Nợ phải trả	848	1,012	1,293	1,725	2,289
Tiền gửi của NHNN	0.01	8.16	21.0	27.1	0.01
Tiền gửi của các TCTD khác	99.8	110	157	203	247
Tổng tiền gửi KH	568	714	861	1,158	1,762
Trái phiếu và CCTG	126	129	189	254	196
Nợ khác	54.4	50.1	63.9	81.3	83.3
Vốn chủ sở hữu	92.7	112	134	160	193
Vốn điều lệ	52.1	53.1	80.6	94.2	110
Thặng dư vốn cổ phần	0.87	1.30	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	25.6	40.7	30.5	42.3	54.9
Quỹ & vốn khác của CSH	14.2	17.1	21.7	21.7	26.4
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.97	4.91	5.64	5.64	5.64
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	945	1,129	1,433	1,890	2,488
BVPS (đồng)	11,717	13,923	16,644	19,813	23,943

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	29.7	19.5	26.9	31.9	31.6
Tăng trưởng cho vay KH (%)	32.8	26.9	31.2	30.0	30.7
Tăng trưởng huy động KH (%)	27.9	25.8	20.5	34.5	52.2
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	28.5	21.5	24.5	34.5	38.7
Tăng trưởng VCSH (%)	22.1	20.9	19.5	19.0	20.8
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	7.39	6.38	23.2	23.8	26.3
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	0.66	14.0	14.6	19.2	23.5
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	5.25	18.6	19.4	21.0	27.7
Tăng trưởng LNTT (%)	15.7	9.59	11.8	19.6	28.8
Tăng trưởng LN thuần (%)	18.3	9.46	11.2	20.0	29.2

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.65	5.34	5.10	4.74	4.55
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.78)	(1.64)	(1.52)	(1.40)	(1.31)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	96.6	97.4	97.8	97.9	97.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.90	2.97	3.44	3.76	4.41
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	69.2	71.0	76.3	91.5	115

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	10.2	9.37	8.49	7.08	5.48
P/B (lần)	2.27	1.91	1.60	1.34	1.11
Lợi suất cổ tức (%)	1.08	1.25	0.86	1.13	1.32

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	43.7	40.8	38.5	38.4	39.2
ROAA (%)	2.47	2.18	1.97	1.82	1.78
ROAE (%)	24.5	22.1	20.5	20.6	22.1
Chi phí huy động BQ (%)	4.35	3.18	3.34	3.56	3.63
Lợi suất góp BQ (%)	8.56	6.84	6.97	7.01	6.95
Lợi suất thuần (%)	4.20	3.66	3.63	3.44	3.33
Tỷ lệ NIM (%)	4.79	4.07	4.05	3.86	3.70
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.64	7.88	8.95	8.46	8.01
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.8	74.3	77.6	79.8	79.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.59	17.9	13.4	11.8	12.4
Tỷ lệ CIR (%)	31.5	30.7	29.8	29.5	28.8
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.0	11.7	7.27	8.00	7.25

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	10.8	11.8	11.2	10.0	8.81
VCSH/Tổng TS (%)	9.81	9.94	9.36	8.44	7.75
Đòn bẩy vốn (lần)	10.2	10.1	10.7	11.8	12.9

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.60	1.62	1.65	1.63	1.40
Hệ số LLR (%)	118	92.9	85.6	80.3	87.9

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	108	109	119	115	98.4
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	12.6	11.6	13.0	12.6	11.2
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	64.9	68.9	71.2	70.2	69.7

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	299	319	330	330	340
Số lượng nhân viên	16,324	18,639	19,012	20,913	22,586

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn